

Số: 81 /GPMT-UBND

Ngã Năm, ngày 29 tháng 08 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại Công văn số  
438/CN-KH ngày 05/8/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của “Xí  
nghiệp cấp nước Ngã Năm”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại To  
trình số 245/TTr-TNMT ngày 23 tháng 8 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, địa chỉ: số  
16, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng,  
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Xí nghiệp cấp nước  
Ngã Năm với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Mai Thanh Thê, Khóm 1, Phường 1, thị  
xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Số 2200107297 đăng  
ký lần đầu ngày 23/12/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 31/5/2024) do Sở  
Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

1.4. Mã số thuế: 2200107297.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất kinh doanh nước

sạch phục vụ cấp nước tập trung.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích đất của cơ sở là 452m<sup>2</sup> (trong đó: diện tích cơ sở tại đường Mai Thanh thế là 168m<sup>2</sup> tại vị trí thửa đất số 260, tờ bản đồ số 32, Khóm 1, Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (giếng NN1 và giếng NN2) và diện tích cơ sở tại Quốc lộ Quân Lộ Phụng Hiệp là 284 m<sup>2</sup>, vị trí thửa đất số 68, tờ bản đồ số 47, Khóm 7, Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (giếng NN3)).

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư 18.373.452.529 đồng.

**2. Công suất:** Công trình cấp nước tập trung với công suất 2.990 m<sup>3</sup>/ngày đêm

**3. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

3.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

3.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

3.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.


2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 29 tháng 8. năm 2024 đến ngày 29 tháng 8. năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ngã Năm, Ủy ban nhân dân Phường 1 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /AK

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;
- Công thông tin điện tử của UBND thị xã;
- Lưu: VT, VP. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Việt Thái**



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21 ngày 29 tháng 8 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ NƯỚC THẢI:

### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc.
- Lưu lượng phát sinh khoảng 60,48 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt ở cơ sở tại đường Mai Thanh Thế sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định được xả thải vào hệ thống thoát nước chung của thị xã Ngã Năm tại Khóm 1, Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và nước thải rửa lọc của cơ sở tại Đường Mai Thanh thế chủ cơ sở cam kết thực hiện theo Công văn số 333/CK-CN ngày 14/6/2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. Đối với nước thải rửa lọc cơ sở tại đường Quán Lộ Phụng Hiệp lượng nước thải được tuần hoàn, tái sử dụng và không xả thải ra môi trường.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại vị trí hồ ga đầu nối với hệ thống thoát nước chung của thị xã Ngã Năm (phía trước cổng cơ sở đường Mai Thanh Thế, Khóm 1, Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng).

- Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiếu 6°): X = 1057156; Y = 510517.

#### 2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 60,48 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại sẽ được xả vào hệ thống thoát nước chung của thị xã Ngã Năm. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Giá trị giới hạn các thông số của nước thải sinh hoạt được quy định bởi QCVN 14:2008/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**Bảng 2.1. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
1	pH	-	5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng coliforms	MNP/100 ml	5.000

Ghi chú:

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Không áp dụng công thức tính nồng độ tối đa cho phép trong nước thải cho thông số pH và tổng Coliform.

- Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT.

**Bảng 2.2. Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị C QCVN 40:2011 (Cột B)
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	50
3	COD	mg/L	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100
5	Asen	mg/L	0,1
6	Thủy ngân	mg/L	0,01

7	Chì	mg/L	0,5
8	Cadimi	mg/L	0,1
9	Mangan	mg/L	1
10	Sắt	mg/L	5
11	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
12	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	6
13	Clorua	mg/L	1.000
14	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom nước mưa: Đối với nước mưa chảy tràn trên bề mặt xây dựng có độ dốc 3% và thoát rãnh nhỏ thu gom nước mưa, nước mưa tự chảy vào 03 hố ga (0,6m x 0,65m) bố trí bao quanh cơ sở, sử dụng mương thoát nước BTCT D600 dài 18,05m và nước mưa trên mái nhà được thoát vào đường ống nhựa PVC đường kính 300 mm, dài 12m tại vị trí 01 hố ga đầu nối (1m x 1m) phía trước công cơ sở.

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và dẫn đến bể tự hoại 03 ngăn, sau đó chảy vào hố ga HG1 (0,6m x 0,65m) bằng đường ống nhựa PVC đường kính 300 mm, dài 12m tại vị trí 01 hố ga đầu nối (1m x 1m) phía trước công cơ sở và thoát vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của thị xã Ngã Năm.

- Nước thải rửa lọc: Tại cơ sở đường Mai Thanh Thế được thu gom bằng đường ống nhựa PVC đường kính 90mm về hố ga HG2 (0,6m x 0,65m) sau đó dẫn vào 01 hố ga đầu nối (1m x 1m).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom và dẫn đến bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 0,57 m<sup>3</sup> để xử lý, sau đó chảy vào hố ga HG1 (0,6m x 0,65m) và thoát vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của thị xã Ngã Năm.

- Nước thải rửa lọc: Vị trí ở đường Quán lộ Phụng Hiệp đã bố trí hạng mục bể chứa nước thải rửa lọc (bể lắng) với thể tích 55,125 m<sup>3</sup> (3,5m x 10,5m x 1,5m)



có lót bạc bề chứa và lượng nước thải được tuần hoàn, tái sử dụng và không xả thải ra môi trường. Vị trí tại đường Mai Thanh Thế chủ cơ sở xin cam kết sẽ thực hiện bố trí hệ thống xử lý nước thải (xử lý nước rửa lọc) tại Xí nghiệp Cấp nước Ngã Năm trong năm 2024; sau khi hoàn thành hệ thống xử lý nước thải sẽ thực hiện báo cáo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ngã Năm nhằm phục vụ công tác kiểm tra và giám sát (theo Công văn số 333/CK-CN ngày 14/06/2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả nước thải ra ngoài môi trường.



## Phụ lục 2

# BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

## A CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 81 ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- + Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước cấp.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Đối với nguồn 01: Phạm vi khu vực đặt máy phát điện. Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>30' múi chiếu 6<sup>0</sup>): X=1057576; Y=510386.

+ Đối với nguồn 02: Phạm vi khu vực hệ thống xử lý nước cấp. Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>30' múi chiếu 6<sup>0</sup>): X=1057581; Y=510389.

#### 3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

##### 3.1. Tiếng ồn

**Bảng 3.1. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA**

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	55

##### 3.2. Độ rung

**Bảng 3.2. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ**

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

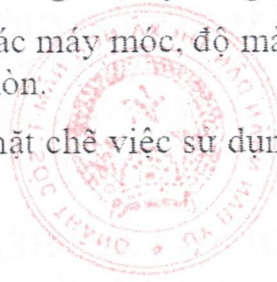


## 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng các máy móc, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị mài mòn.
- Thường xuyên kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



STT	Chi tiết	Đơn vị	Thời gian
1	Kiểm tra tình hình	...	...
2	...	...	...
3	...	...	...
4	...	...	...
5	...	...	...

### Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 81 ngày 29 tháng 8 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm



### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

- Giẻ lau dầu nhớt thải: Khối lượng phát sinh 05 kg/năm.
- Bóng đèn huỳnh quang thải: Khối lượng phát sinh 05 kg/năm.
- Thùng chứa chlorine thải: Khối lượng phát sinh 30 kg/năm.
- Bao bì chứa chlorine thải: Khối lượng phát sinh 25 kg/năm.

##### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất thông thường

- Vật liệu lọc thải: Khối lượng phát sinh 200 kg/năm.
- Van nước hư: Khối lượng phát sinh 10 kg/năm.
- Lượng cặn thải (bùn thải): Khối lượng phát sinh 438 kg/năm.

##### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt, ăn uống của công nhân viên với khối lượng phát sinh khoảng 09kg/ngày tương đương 3.285 kg/năm.

#### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường, chất thải nguy hại:

##### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa trong nhà: Bố trí 03 thùng nhựa HDPE thể tích 240 lít, có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo.

##### 2.1.2. Khu lưu chứa

- Diện tích khu lưu chứa chất thải nguy hại là 5m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo khu lưu chứa: Nền tráng xi măng, mái lợp tole, tường xây gạch và vận chuyển thu hồi về Công ty. Tần suất thu gom: 03 tháng/lần.

##### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất thông thường:

##### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các vật liệu lọc là cát thạch anh đã qua sử dụng và không còn khả năng đáp ứng quá trình xử lý nước: Được thu gom vào bao 25kg.
- Van nước hư: Thu gom vào 01 thùng nhựa HDPE (thể tích 240 lít).
- Bùn thải: Bùn khô sau khi phơi sẽ được thu gom vào bao 25kg.

##### 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa:



+ Các vật liệu lọc: Lưu chứa trong khu vực chứa chất thải thông thường với diện tích 5 m<sup>2</sup> (2,5m x 2m).

+ Van nước hư: Lưu giữ trong khu vực chứa chất thải thông thường với diện tích 5 m<sup>2</sup> (2,5m x 2m).

+ Bùn thải: Lưu chứa trong khu vực chứa chất thải thông thường với diện tích 5 m<sup>2</sup> (2,5m x 2m)

- Thiết kế, cấu tạo khu lưu chứa:

+ Các vật liệu lọc sau sử dụng và van nước hư: Được thiết kế với nền tráng xi măng, mái lợp tole, tường xây gạch sau đó vận chuyển thu hồi về Công ty. Tần suất thu gom: 03 tháng/lần.

+ Bùn thải: Lưu chứa trong khu vực chứa chất thải thông thường với diện tích 5 m<sup>2</sup> (2,5m x 2m) và vận chuyển thu hồi về Công ty. Tần suất thu gom: 03 tháng/lần.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Đối với chất thải là chất hữu cơ dễ phân hủy: Chủ cơ sở bố trí 03 thùng nhựa HDPE chứa rác thải sinh hoạt (02 thùng thể tích 220 lít và 01 thùng 20 lít) có nắp đậy.

- Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Được thu gom vào 01 thùng nhựa HDPE (thể tích 240 lít).

#### **2.3.2. Khu vực lưu chứa:**

- Đối với chất thải là chất hữu cơ dễ phân hủy: Bố trí tại nhà vệ sinh và khu vực làm việc cuối ngày tập kết tại vị trí trước công cơ sở. Hợp đồng định kỳ với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

- Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Lưu giữ tại khu vực chứa chất thải rắn thông thường (nằm trong diện tích nhà kho vật tư) với diện tích 5m<sup>2</sup> được thiết kế với nền tráng xi măng, mái lợp tole, tường xây gạch sau đó vận chuyển thu hồi về Công ty. Tần suất thu gom: 03 tháng/lần.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Chủ động gìn giữ vệ sinh xung quanh giếng khai thác và thực hiện các biện pháp phòng, chống, ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan khai thác. Phát hiện, xử lý, khắc phục các hiện tượng, sự cố bất thường về chất lượng nước, mực nước trong giếng khai thác về các sự cố môi trường do hoạt động khai thác của mình gây ra đồng thời báo cáo kịp thời tới chính quyền địa phương.

- Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích; Xử lý, trám lấp giếng theo quy định đối với trường hợp giếng khoan phải trám lấp.

- Quản lý, vận hành hệ thống cấp nước phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước.

- Khai thác nước dưới đất phải thực hiện theo các biện pháp quy định trong giấy phép, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn kỹ thuật đảm bảo không gây sụt, lún đất. Trường hợp xảy ra sụt, lún đất thì phải dừng việc khai thác, đồng thời thực hiện các biện pháp khắc phục và báo ngay cho chính quyền địa phương nơi gần nhất

- Thực hiện nghiêm túc về công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải.

